

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2024.
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hà Minh Hằng.

2- Bà Trần Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền -Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh ngày 01/01/1965.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/01/1973.

Địa chỉ: Ấp R, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D về chung sống với nhau năm 2019, có tổ tiệc ra mắt hai bên gia đình, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vợ chồng về chung sống đến năm 2020 tạo lập xây dựng được căn nhà tiền chế trên phần đất của mẹ ông D, bà đã lấy tiền riêng của bà xây căn nhà 270.000.000đ, sau khi xây dựng căn nhà thì vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì ông D kiếm chuyện đánh bà và đuổi bà đi ra khỏi nhà, đến ngày 13/02/2024 vợ chồng

đã ly thân cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Có một căn nhà diện tích chiều ngang phía trước 08m, chiều ngang phía sau 12m, chiều dài 50m, tọa lạc tại ấp Rầy mới, xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Khi ly ly bà đồng ý giao căn nhà cho ông D được quyền sử dụng, định đoạt và bà yêu cầu ông D hoàn trả lại cho bà trị giá căn nhà số tiền là 300.000.000đ.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà S đã thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà không yêu cầu Toà giải quyết chia tài sản nữa mà để vợ chồng tự thoả thuận với nhau.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày như sau: Ông thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con cái, tài sản và nợ chung là đúng như bà Song trình bày nêu trên. Theo bà S yêu cầu thì ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thoả thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị S ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D đồng ý ly hôn với nhau.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D thừa nhận không có con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D không yêu cầu Toà giải quyết mà để vợ chồng tự thoả thuận.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D về chung sống với nhau năm 2019, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của bà S và ông D không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số: 0003291 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy, bà Nguyễn Thị S được nhận lại số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn D thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số: 0003291 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy, bà Nguyễn Thị S được nhận lại số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho S và ông D có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/8/2024).

6. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- CC-THADS huyện;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm